

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 39/2021/HS-ST

Ngày: 20-9-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Đạo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Trung Lan

Ông: Đinh Trọng Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà: Đỗ Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2021/TLST-HS, ngày 30 tháng 8 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/HSST-QĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên : **Ngô Q**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác : Không.

Sinh năm : 1968, tại Thừa Thiên Huế

Đăng ký NKTT: Thôn H1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở : Thôn H1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp : Phụ hồ.

Trình độ văn hóa: 0/12.

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: phật giáo.

Con ông : Ngô Đắc C (đã chết) con bà: Nguyễn Thị T (đã chết)

Anh, chị em : Gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình.

Vợ, còn : Chưa có.

Tiền án, tiền sự : Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn H1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt tại phiên tòa)

***Người bị hại**

+ Lê Thị H, sinh năm: 1980 (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn H1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

***Người làm chứng**

+ Chế Văn A, sinh năm: 1974 (Vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn H1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

+ Chế Thị Ngọc B, sinh năm: 2005 (Vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn H1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 17/3/2021, chị Lê Thị H trú tại thôn H1, xã L, huyện Đ nhờ con gái là Chế Thị Ngọc B đến tiệm vàng K tại thị trấn Đ, huyện Đ mua 0,5 chỉ vàng (dạng nhẫn) mặt trong có ký hiệu “KIM LOAN THAI 5P, 99%” mang về đưa cho bà H. Sau khi xem xong, bà H bỏ lại chiếc nhẫn vào chiếc hộp nhựa màu vàng cam rồi để xuống nền nhà trên đường luồng rồi đi vào phòng ngủ. Đến 17 giờ cùng ngày, Ngô Q mua rượu đến nhà chị H để uống với anh Chế Văn A (chồng chị H). Khi đến đoạn đường luồng đối diện với 02 phòng ngủ, Q nhìn thấy có một hộp nhựa hình trái tim màu cam để ở nền nhà thì cầm lên lắc lắc thì nghe thấy trong hộp có tiếng kêu nên Q đoán bên trong có vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp số vàng trên. Q cầm chiếc hộp nhựa hình trái tim màu cam đi ra khu vực đất trống trước cửa nhà nhà tắm rồi lấy một mảnh gạch vỡ đào lỗ chôn hộp nhựa xuống, lấp đất lại, đi vào trong nhà ngồi nhậu với anh A. Khoảng 15 phút sau, chị H phát hiện bị mất vàng nên đã hỏi Q. Do Q không thừa nhận nên chị H đã trình báo Cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra, Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, đồng thời chỉ chỗ cất giấu vàng, cơ quan điều tra đã thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Ngô Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đồng thời bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Q từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng.

Ngoài ra đại diện viện kiểm sát còn đề nghị về dân sự, vật chứng, và án phí sơ thẩm của vụ của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo không có ý kiến gì, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

2. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ và được chứng minh bằng:

Bị cáo đã lén lút lấy trộm thành công 01 (một) chiếc nhẫn vàng, hàm lượng 98,69%, khối lượng 1,8776 gam trị giá: 2.540.000đ (Hai triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng). Đối chiếu các chứng cứ, tài liệu đã thu thập phản ánh trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật đã có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo Ngô Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

3. Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo nhất thời nảy sinh lòng tham nên đã không kiềm chế được hành vi của mình

4. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội lần này ra thì chưa có tiền án tiền sự gì. Phạm tội lần này cũng là do nhất thời thấy bị hại để tài sản sơ hở nên đã nảy sinh lòng tham. Do đó bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

5. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

6. Về hình phạt: Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm và hiện bị cáo mới bị tai nạn giao thông nên bị gãy chân phải đi lại sinh hoạt rất khó khăn. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ sức giáo dục răn đe đối với bị cáo.

7. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn thể hiện đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự, cho nên phần trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

8. Về vật chứng của vụ án: 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu “ KIM LOAN THAI 5P, 99%”. Xét thấy tài sản trên thuộc quyền sở hữu của

chị Lê Thị H, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho chị H là phù hợp

9. Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Ngô Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng án phí hình sự sơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173 điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Q 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Ngô Q cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ngô Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của BLTTHS. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Đình Đạo